

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II  
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Thơ	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
<b>Tổng</b>			<b>15</b>	<b>5</b>	<b>25</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>10</b>	<b>100</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>20</b>		<b>40%</b>		<b>30%</b>		<b>10%</b>		
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>60%</b>				<b>40%</b>				

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  
**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Độc hiểu	Thơ	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được ấn tượng chung về văn bản.</li> <li>- Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.</li> <li>- Nhận ra các biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ và hoán dụ,...</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.</li> <li>- Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.</li> <li>- Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử</li> </ul>	3 TN	5TN	2TL	

			được gọi ra từ văn bản. - Đánh giá được giá trị của các yếu tố văn, nhịp				
2	Viết	Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm	<b>Nhận biết:</b> <b>Thông hiểu:</b> <b>Vận dụng:</b> <b>Vận dụng cao:</b>  Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.				1TL*
<b>Tổng</b>				<b>3 TN</b>	<b>5TN</b>	<b>2 TL</b>	<b>1 TL</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>20</b>	<b>40</b>	<b>30</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>60</b>		<b>40</b>	

## ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

### Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

## I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

### CON YÊU MẸ

- Con yêu mẹ bằng ông trời  
Rộng lắm không bao giờ hết

- Thế thì làm sao con biết  
Là trời ở những đâu đâu

Trời rất rộng lại rất cao  
Mẹ mong, bao giờ con tới!

- Con yêu mẹ bằng Hà Nội  
Để nhớ mẹ con tìm đi

Từ phố này đến phố kia  
Con sẽ gặp ngay được mẹ

- Hà Nội còn là rộng quá  
Các đường như nhện giăng tơ

Nào những phố này phố kia  
Gặp mẹ làm sao gặp hết!

- Con yêu mẹ bằng trường học  
Suốt ngày con ở đấy thôi

Lúc con học, lúc con chơi  
Là con cũng đều có mẹ

- Nhưng tối con về nhà ngủ  
Thế là con lại xa trường

Còn mẹ ở lại một mình  
Thì mẹ nhớ con lắm đấy

Tính mẹ cứ là hay nhớ  
Lúc nào cũng muốn bên con

Nếu có cái gì gần hơn  
Con yêu mẹ bằng cái đó

- À mẹ ơi có con để  
Luôn trong bao diêm con đây

Mở ra là con thấy ngay  
Con yêu mẹ bằng con để

(Xuân Quỳnh, Lời ru trên mặt đất)

Thực hiện các yêu cầu:

**Câu 1.** Văn bản “Con yêu mẹ” thuộc thể thơ nào? (Nhận biết)

A. Lục bát.

B. Tự do.

C. Sáu chữ.

D. Ngũ ngôn.

**Câu 2.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu thơ? (Nhận biết)

“ Con yêu mẹ bằng Hà Nội

Để nhớ mẹ con tìm đi ”

A. So sánh.

B. Nhân hóa, so sánh.

C. Ẩn dụ, so sánh

D. Ẩn dụ.

**Câu 3.** Xác định các phương thức biểu đạt của văn bản trên. (Nhận biết)

A. Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

B. Tự sự kết hợp miêu tả, nghị luận.

C. Biểu cảm kết hợp miêu tả, tự sự.

D. Biểu cảm kết hợp nghị luận.

**Câu 4.** Tình yêu của đứa con dành cho mẹ được tác giả so sánh với hình ảnh nào? (Hiểu)

- A. Ông trời, mặt trăng, con đẽ
- B. Hà Nội, đường đi, ông mặt trời
- C. Con đẽ, mặt trời, con đường đi
- D. Ông trời, Hà Nội, trường học, con đẽ.

**Câu 5.** Văn bản là tình cảm của ai dành cho ai? (Hiểu)

- A. Tình cảm của mẹ dành cho con.
- B. Tình cảm của con dành cho mẹ.
- C. Tình cảm của mẹ dành cho thiên nhiên.
- D. Tình cảm của con dành cho trường học.

**Câu 6.** Ý nào nêu đúng yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ “Con yêu mẹ”?

- A. Kể lại lời thủ thỉ, trò chuyện của người con với mẹ về tình cảm của con dành cho mẹ
- B. Hình ảnh “trời rất rộng lại rất cao”
- C. Hình ảnh “các đường như nhện giăng tơ”
- D. Bộc lộ tình cảm thương nhớ mẹ của người con

**Câu 7.** Chủ đề bài thơ là (Hiểu)

- A. Tình mẫu tử.
- B. Hình ảnh ông trời và trường học.
- C. Hình ảnh mẹ và bố.
- D. Tình phụ tử.

**Câu 8.** Câu thơ: “Con yêu mẹ bằng ông trời / Rộng lắm không bao giờ hết” gọi điều gì? (Hiểu)

- A. Ông trời bao la, rộng lớn
- B. Hình dáng của mẹ
- C. Thể hiện tình yêu rộng lớn, bao la của con dành cho mẹ
- D. Sự lo lắng của mẹ dành cho con

**Câu 9.** Em hãy ghi lại những cảm nhận của em sau khi đọc văn bản “Con yêu mẹ”. (Vận dụng)

**Câu 10.** Đọc xong văn bản “Con yêu mẹ” của Xuân Quỳnh, em sẽ làm gì để thể hiện tình cảm của mình với cha mẹ? (Vận dụng)

## II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về hiện tượng vứt rác bừa bãi ở nơi em đang sống.

----- Hết -----

## HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phầ	Câ	Nội dung	Điể
-----	----	----------	-----

<b>n</b>	<b>u</b>		<b>m</b>
<b>I</b>		<b>ĐỌC HIỂU</b>	<b>6,0</b>
	<b>1</b>	C	0,5
	<b>2</b>	A	0,5
	<b>3</b>	C	0,5
	<b>4</b>	D	0,5
	<b>5</b>	B	0,5
	<b>6</b>	A	0,5
	<b>7</b>	A	0,5
	<b>8</b>	C	0,5
	<b>9</b>	- HS trình bày những cảm nhận riêng về văn bản.	1,0
	<b>10</b>	- HS nêu được những cách ứng xử hợp lý ( Yêu quý, quan tâm, chăm sóc, hiếu thảo...)	1,0
<b>II</b>		<b>VIẾT</b>	<b>4,0</b>
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận đã học.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề bài.</i> Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về hiện tượng vứt rác bừa bãi ở nơi em đang sống.	0,25
		<i>c. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về hiện tượng vứt rác bừa bãi ở nơi em đang sống.</i> HS có thể trình bày bài văn theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - <i>Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận:</i> có đầy đủ các phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận. Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm. Kết bài khái quát được nội dung nghị luận. - <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Hiện tượng vứt rác bừa bãi. - <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: + Mô tả thực trạng hiện tượng vứt rác bừa bãi; thể hiện thái độ phê phán hiện tượng này. + Lí giải nguyên nhân và hậu quả của hiện tượng vứt rác thải bừa bãi. + Nêu giải pháp để ngăn chặn hiện tượng này.	2,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.</i>	0,5